TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/DS-PT
Ngày: 18 - 11 - 2019
"V/v tranh chấp đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn.
Ông Nguyễn Đăng Phồn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 18 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp đất đai". Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐPT-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc M1. Sinh năm 1960. Có mặt.

Trú tại: Xóm 2, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:*

- Ông Lê Văn D. Sinh năm 1949. Có mặt.

- Ông Lê Văn Đ. Sinh năm 1950 (Lê Quang Đ). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ: Bà Hoàng Thị H - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Q. Sinh năm 1968. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm 1957. Vắng mặt.

Đều trú tại: Xóm 2, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Doãn H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: C 501 Lý Văn Phức, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L1. Sinh năm 1955. Có mặt.
- Anh Lê Văn Th1. Sinh năm 1982. Có mặt.
- Anh Lê Văn Th2. Sinh năm 1984. Có mặt.
- Anh Lê Văn Th3. Sinh năm 1992. Có mặt.
- Bà Đinh Thị H. Sinh năm 1958. Vắng mặt.
- Anh Lê Quang H1. Sinh năm 1980. Có mặt.
- Anh Lê Quang L. Sinh năm 1989. Có mặt.
- Bà Lê Thị Đ. Sinh năm 1968. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn M. Sinh năm 1994. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn Tr. Sinh năm 1995. Vắng mặt.
- Bà Trần Thị B. Sinh năm 1962. Có mặt
- Anh Trần Ngọc Ph. Sinh năm 1982. Có mặt.
- Anh Trần Văn L. Sinh năm 1988. Vắng mặt.
- Anh Trần Ngọc M2. Sinh năm 1991. Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn N. Sinh năm 1959. Có mặt.
- Bà Trần Thị Q. Sinh năm 1959. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn Ch. Sinh năm 1985. Vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị H2. Sinh năm 1986. Văng mặt.
- Anh Nguyễn Văn H1. Sinh năm 1983. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn H2. Sinh năm 1989. Vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn D. Sinh năm 1981. Vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị H3. Sinh năm 1984. **C**ó mặt.
- Chị Nguyễn Thị L2. Sinh năm 1977. Vắng mặt.

Đều trú tại: Xóm 2, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

- Chị Lê Thị Th1, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm 4, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

- Anh Lê Văn Th4. Sinh năm 1980. Vắng mặt.

Trú tại: Phường Nh, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Chị Lê Văn Th2. Sinh năm 1989. Văng mặt.

Trú tại: Huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Quang H2. Sinh năm 1978. Vắng mặt.

Trú tại: Xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lê Quang T. Sinh năm 1983. Vắng mặt.
- Chị Lê Thị Th3, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Đều trú tại: Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Chị Lê Thị L. Sinh năm 1985. Vắng mặt.

Trú tại: tỉnh Đồng Nai.

- Chị Trần Thị L. Sinh năm 1985. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm 7, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

- Chị Nguyễn Thị Th. Sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú tại: Khu Chung Cư Phúc Hưng, thị Trấn Bần, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

4. Người kháng cáo:

- Bị đơn: Ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ (Lê Quang Đ), bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Q.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn Th1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Ngọc M1 trình bày như sau: Năm 2002 hộ gia đình ông được được giao quyền sử dụng thửa đất lâm nghiệp tạm thời tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03, diện tích 77.881m^2; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An. Năm 2004, UBND huyện Th, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 511/QĐUB ngày 23/4/2004 giao quyền sử dụng đất cho hộ Ông Trần Ngọc M1 tại thửa đất nói trên. Quá trình sử dụng đất thì hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1 bị các ông, bà sau đây lấn chiếm cụ thể như sau:

- Ông Lê Văn D, sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An lấn chiếm 3.564m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

- Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1950 (Lê Quang Đ); địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An lấn chiếm 26,905m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An,

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An lấn chiếm 4.775m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957, địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An lấn chiếm 3.655m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03 ; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Nay Ông Trần Ngọc M1 yêu cầu Lê Văn D trả lại đất lấn chiếm 3.564m^2; ông Lê Văn Đ trả lại đất lấn chiếm 26.905m^2; ông Nguyễn Văn Q trả lại đất lấn chiếm 4.775m^2; Bà Nguyễn Thị H trả lại đất lấn chiếm 3.655m^2 đất tại số thửa 492,

tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1. Các tài sản gồm cây cối, hoa màu, công trình xây dựng trên đất Ông Trần Ngọc M1 không phù hợp với quy hoạch và ông không có nhu cầu sử dụng, ông M yêu cầu các bị đơn phải tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng và thu hoạch, di dời các cây cối trên phần đất tranh chấp để trả lại phần đất lấn chiếm cho hộ gia đình ông. Tại phiên tòa Ông Trần Ngọc M1 đồng ý hỗ trỡ cho ông Lê Văn Đ số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng để tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng trên đất.

+ Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Ông Trần Ngọc M1 khởi kiện yêu cầu ông trả lại diện tích 26.905m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th thì ông Lê Văn Đ không nhất trí, ông bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Ngọc M1 với lý do đất của hộ gia đình ông đang sử dụng tại số thửa 459, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Đà Cây Trâm, xã H, huyện Th không liên quan đến số thửa 492, tờ bản đồ số 03 của Ông Trần Ngọc M1 tại địa chỉ Rú thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Việc Tòa án yêu cầu cung cấp địa chỉ những người con của ông là Lê Quang H2, Lê Quang T, Lê Thị Th3 và Lê Thị L là không cần thiết, vì phần đất tranh chấp và các tài sản trên phần đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông và vợ là bà Đinh Thị H cùng các người con gồm anh Lê Quang H1, Lê Quang L, không liên quan đến các người con khác của ông Lê Văn Đ đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, ông thông báo, tống đạt các văn bản của Tòa án cho các người con nói trên. Ông cùng vợ và các người con của ông đã nhận được thông báo về việc định giá tài sản vào ngày 15/11/2018 nhưng ông và vợ, con của không tham gia chứng kiến việc định giá với lý do là Tòa án ra Quyết định định giá không đúng thửa đất 492 nên ông và vợ, con của ông không tham gia việc định giá, thửa đất Tòa án ra Quyết định định giá không phải đất Ông Trần Ngọc M1.

+ Bị đơn ông Lê Văn D trình bày: Ông Trần Ngọc M1 không đủ điều kiện để khởi kiện vì chưa đầy đủ hồ sơ đất lâm nghiệp; thửa đất của ông Lê Văn D sử dụng tại số thửa 439, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Đà Cây Trâm, xã H, huyện Th không liên quan đến số thửa 492, tờ bản đồ số 03 của Ông Trần Ngọc M1; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An, do đó Ông Trần Ngọc M1 khởi kiện yêu cầu ông trả lại diện tích 3.564m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ Rú thác muối, xã H, huyện Th là không có căn cứ, ông không chấp nhận.

Việc Tòa án yêu cầu ông cung cấp địa chỉ những người con của ông là Lê Văn Th4, chị Lê Văn Th2 theo ông là không cần thiết, bởi vì phần đất tranh chấp và các tài sản trên phần đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông và vợ là bà Nguyễn Thị L1 cùng các người con là Lê Văn Th1, không liên quan đến các người

con khác của ông nên ông không cung cấp địa chỉ của những người này theo yêu cầu của Tòa án. Ông đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án và ông đã thông báo, tống đạt các văn bản của Tòa án cho các người con nói trên. Ông cùng vợ và các người con của ông đã nhận được thông báo về việc định giá tài sản vào ngày 15/11/2018 nhưng ông và vợ, con của không tham gia chứng kiến việc định giá với lý do là Tòa án ra Quyết định định giá không đúng thửa đất 492 nên ông và vợ, con của ông không tham gia việc định giá, thửa đất Tòa án ra Quyết định định giá không phải đất Ông Trần Ngọc M1.

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông Trần Ngọc M1 khởi kiện yêu cầu ông trả lại diện tích 4.775m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th thì ông Q không nhất trí, ông bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Ngọc M1. Đất của hộ gia đình ông sử dụng tại số thửa 477, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Động Ván, xã Hòa Lâm, huyện Th không liên quan đến số thửa 492, tờ bản đồ số 03 của Ông Trần Ngọc M1. Các tài sản trên phần đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông và vợ là bà Lê Thị Đ, không liên quan đến các người con của ông nên ông đề nghị Tòa án không đưa các người con của ông tham gia vào vụ án. Ông Q đã nhận và thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho vợ và các người con. Ông và vợ, con của ông đã nhận được thông báo về việc định giá tài sản vào ngày 15/11/2018 nhưng ông và vợ, con ông không tham gia với lý do Tòa án định giá không đúng thửa đất 492, tờ bản đồ số 03 nên ông và vợ, con của ông không tham gia việc định giá, thửa đất mà Tòa án định giá không phải đất Ông Trần Ngọc M1.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông Trần Ngọc M1 khởi kiện yêu cầu bà trả lại diện tích 3.655m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th thì bà H không nhất trí, bà bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Ngọc M1. Đất của bà tại số thửa 479, tờ bản đồ số 03, diện tích bà không nhớ rõ; địa chỉ: Khe Chứa Động Ván, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An, bà không lấn đất Ông Trần Ngọc M1 mà ông M lấn đất của bà.

Việc Tòa án yêu cầu bà cung cấp địa chỉ người con của bà là Nguyễn Thị Th là không cần thiết, chị Th3 không liên quan đến thửa đất tranh chấp do đó bà không cung cấp địa chỉ cho Tòa án, bà đã thông báo và tống đạt các văn bản của Tòa án cho các người con. Bà và các người con của bà đã nhận được thông báo về việc định giá tài sản vào ngày 15/11/2018 nhưng bà và các người con của bà không tham gia với lý do đất của bà bị Ông Trần Ngọc M1 lấn chiếm hết, bà không lấn đất Ông Trần Ngọc M1.

+ Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quang H1: Anh đồng ý với ý kiến ông Lê Quang Đ là bố đẻ của anh, việc Ông Trần Ngọc M1 khởi

kiện yêu cầu ông Đ trả lại diện tích 26.905m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ Rú thác muối, xã H, huyện Th là không đúng, anh Hưng bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Ngọc M1. Đất của ông Lê Quang Đ sử dụng tại số thửa 459, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Đà Cây Trâm, xã H, huyện Th không liên quan đến số thửa 492, tờ bản đồ số 03 của Ông Trần Ngọc M1.

+ Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Th1, chị Nguyễn Thị H3: Anh Th1, chị H3 đồng ý với ý kiến ông Lê Văn D là bố đẻ Anh Th1. Việc Ông Trần Ngọc M1 khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn D trả lại diện tích 3.564m^2 đất tai số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ Rú thác muôi, xã H, huyện Th là không có căn cứ, đất ông D sử dụng tại số thửa thửa 439, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Đà Cây Trâm, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An không liên quan đến thửa đất ông M.

+ Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh bà Trần Thị B, anh Trần Ngọc Ph, anh Trần Ngọc M2, anh Trần Văn L, chị Trần Thị L: Bà B, anh Ph, anh M2, anh L, chị L đồng ý với ý kiến Ông Trần Ngọc M1 không bổ sung gì thêm. Yêu cầu Lê Văn D trả lại đất lấn chiếm 3.564m^2; ông Lê Quang Đ trả lại đất lấn chiếm 26.905m^2; ông Nguyễn Văn Q trả lại đất lấn chiếm 4.775m^2; Bà Nguyễn Thị H trả lại đất lấn chiếm 3.655m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1. Các tài sản gồm cây cối, hoa màu, công trình xây dựng trên đất Bà B, anh Ph, anh M2 yêu cầu các bị đơn thu hoạch, di dời và tháo dỡ để trả lại đất lấn chiếm cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1.

+ Ý kiến ông Nguyễn Văn N, Bà Trần Thị Q, Anh Nguyễn Văn Ch, Chị Nguyễn Thị H2, Anh Nguyễn Văn H1 và Anh Nguyễn Văn H2 trình bày: Hộ gia đình ông Nguyễn Quang N được giao thửa đất số 517, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Núi thác Muối, xã H, huyện Th, thửa đất của hộ ông N có một phần giáp với thửa số 492 của Ông Trần Ngọc M1. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì ông M có sử dụng sang thửa đất 517 là của ông Nguyễn Văn N là 17.865m^2, đối với phần đất này hiện tại hộ ông N đang cho ông M mượn khi khi có nhu cầu thì hộ ông N sẽ lấy lại, ông Nguyễn Văn N, Bà Trần Thị Q, Anh Nguyễn Văn Ch, Chị Nguyễn Thị H2, Anh Nguyễn Văn H1 và Anh Nguyễn Văn H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo ông Nguyễn Văn N thì vào ngày 22 tháng 8 năm 2002 có đoàn gồm cán bộ Cục địa chính, cán bộ của xã H, huyện Th và xóm trưởng, Xóm 2, xã H (Xóm trường là ông Nguyễn Văn N) tiến hành đi giao đất lâm nghiệp trên thực địa cho các hộ gia đình trên địa bàn xã H, huyện Th trong đó có các hộ ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn N. Khi đi giao tại thời điểm đó thì chỉ tiến hành chỉ đất trên thực địa cho các hộ và phát sẻ

ranh giới.

Đối với hộ Ông Trần Ngọc M1 khi đó không có mặt, ông N đã nhường phần đất của ông cho ông M để ông M làm hồ sơ xin giao đất cho hộ Ông Trần Ngọc M1, do đó tất cả các giấy tờ về hồ sơ giao đất lâm nghiệp của ông M thì ông M đều nhờ ông N ký thay. Quyết định giao đất lâm nghiệp và danh sách kèm theo quyết định của UBND huyện Th, tỉnh Nghệ An thể hiện đất ông M tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Ranh giới tiếp giáp các thửa đất như sau: Tính từ ngoài vào là thửa đất số 517 của Nguyễn Văn N, tiếp giáp đất ông N là thửa số 492 của Ông Trần Ngọc M1. giáp đất ông M là thửa số 479 của bà Nguyễn Thị H. Đất ông của ông Nguyễn Văn N và Ông Trần Ngọc M1 là từ Khe chứa động ván trở ra, đất của bà Nguyễn Thị H từ Khe chứa động ván trở vào.

Tại bản án số 07/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Ngọc M1;

- Buộc ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L1, anh Lê Văn Th1 phải thu hoạch, di dời cây Chè xanh trên phần đất tranh chấp để trả lại diện tích đất lấn chiếm là 3.564m^2 tại Số thửa 492, tờ bản đồ số 03 địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1.

- Buộc ông Lê Văn Đ (Lê Quang Đ), bà Đinh Thị H, anh Lê Quang H1, anh Lê Quang L phải thu hoạch, di dời cây chè xanh, cây sắn, cây lúa, cây cam, cây ổi, cây trám, cây bưởi, cây sắn, cây chuối, cây thanh long và tháo dỡ, di dời 02 (Hai) chuồng trâu; 01 (một) nhà trang trại; 01 (Một) nhà bếp trên phần đất tranh chấp để trả lại diện tích đất lấn chiếm là 26.905m^2 tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1.

Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Lê Thị Đ phải thu hoạch, di dời cây keo trên phần đất tranh chấp để trả lại diện tích đất lấn chiếm là 4.775m^2 tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 3.655m^2 tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Trần Ngọc M1, buộc Ông Trần Ngọc M1 phải trả cho ông Lê Văn Đ số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng để tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng trên đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/4/2019, ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ (Lê Quang Đ), bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Q, anh Lê Văn Th1 đều làm đơn kháng cáo với các nội dung sau: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Th với lí do Tòa án nhân dân huyện Th xác định không đúng người có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp, không xác định đúng ranh giới đất của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Buộc các ông, bà phải thu hoạch, di dời cây nông nghiệp để trả lại đất cho nguyên đơn là Ông Trần Ngọc M1 là không đúng sự thật khách quan của vụ việc, nên đã xâm hại đến quyền sử dụng đất của các ông, bà. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Trần Ngọc M1 và công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn đúng hiện trạng diện tích đất đang tranh chấp mà bị đơn đang sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ (Lê Quang Đ), bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Q, anh Lê Văn Th1 đều vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ (Lê Quang Đ) đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An công nhận quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ (Lê Quang Đ), bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Q, anh Lê Văn Th1, áp dụng khoản 3 Điều 308, điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại quyết lại theo thủ tục chung với các lí do:

- Kết quả đo đạc thẩm định của Tòa án cấp phúc thẩm không phù hợp với kết quả đo đạc thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm và diện tích bị đơn lấn chiếm của nguyên đơn theo kết quả thẩm định của Tòa án cấp phúc thẩm cũng vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa triệu tập đại diện UBND xã H và UBND huyện Th tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ quy trình, thủ tục giao đất cho ông M có đúng quy định pháp luật hay không, việc giao đất cho các hộ dân được thực hiện theo quy trình, thủ tục như thế nào, giao theo từng thửa đất đã được cơ quan có thẩm quyền quy hoạch hay giao theo vị trí do các hộ tự nhận. Nếu giao theo hình thức các hộ tự nhận và nhà nước công nhận thì tại sao ông M không tiến hành phát sẻ, không tham gia giao nhận đất tại thực địa nhưng vẫn được giao đất, việc giao đất cho ông M dựa trên cơ sở nào việc lập bản đồ địa chính, ký giáp ranh được thực hiện như thế nào?

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất ông M và bà H đang tranh chấp là đất trống, do bà H giữ. Tại Bản tự khai ngày 20/7/2018 (BL 20) bà H trình bày bà đã nhiều lần cho con vào làm trên diện tích đất tranh chấp nhưng ông M không cho, hiện gia đình bà không còn 1 tấc đất nào nhưng ông M vẫn kiện bà. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ hiện ai đang quản lý diện tích đất nêu trên, nếu hộ bà H đang quản lý thì quản lý bằng hình thức nào nhưng đã buộc bà H phải trả lại diện tích đất nêu trên cho ông M là chưa chính xác.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử, ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ (Lê Quang Đ), bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Q, anh Lê Văn Th1 làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Doãn H có mặt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ (Lê Quang Đ), bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Q, anh Lê Văn Th1. Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Năm 2002 hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1 được giao quyền sử dụng thửa đất lâm nghiệp tạm thời tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03, diện tích 77.881m^2 ; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An; hộ gia đình ông Lê Quang Đ (Lê Văn Đ) được giao quyền sử dụng thửa đất lâm nghiệp tạm thời tại số thửa 459, tờ bản đồ số 03, diện tích 63.210m^2; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An; hộ gia đình ông Lê Văn D được giao quyền sử dụng thửa đất lâm

nghiệp tạm thời tại số thửa 439, tờ bản đồ số 03, diện tích 66.393m^2; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An; hộ ông Nguyễn Văn Q được giao quyền sử dụng thửa đất lâm nghiệp tạm thời tại số thửa 477, tờ bản đồ số 03, diện tích 66393m^2; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An; hộ bà Nguyễn Thị H được giao quyền sử dụng thửa đất lâm nghiệp tạm thời tại số thửa 479, tờ bản đồ số 03, diện tích 34193 m^2; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Ngày 23/4/2004, UBND huyện Th, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 511/QĐ - UB và danh sách kèm theo quyết định; giao quyền sử dụng đất tạm thời cho hộ Ông Trần Ngọc M1 tại số thửa 492; giao cho hộ ông Lê Văn D sử dụng tại số thửa 439; giao cho hộ ông Lê Quang Đ (Lê Văn Đ) tại số thửa 459; giao cho hộ ông Nguyễn Văn Q tại số thửa 477 và giao cho hộ bà Nguyễn Thị H sử dụng tại số thửa 479, tất các thửa đất nói trên đều nằm tại tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

[2.2] Về nguồn gốc đất: Hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1 được Ủy ban nhân dân huyện Th giao đất lâm nghiệp tạm thời số thửa 492, tờ bản đồ số 03, diện tích 77.881m^2; địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An theo Quyết định số 111/QĐUB ngày 23/4/2004 của UBND huyện Th, tỉnh Nghệ An. Hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1 có giấy tờ hợp pháp về hồ sơ giao đất lâm nghiệp gồm: Đơn xin giao đất lâm nghiệp ngày 16/01/2002;Trích lục hình thể thửa đất lâm nghiệp ngày 24/11/2003; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 16/11/2002; Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa ngày 16/11/2002; Quyết định số 111/QĐUB ngày 23/4/2004 của UBND huyện Th, tỉnh Nghệ An; Danh sách các đối tượng được giao đất lâm nghiệp tạm thời tại xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An ngày 23/4/2004 của của UBND huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Theo hồ sơ giao đất lâm nghiệp tại xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An; Quyết định số 111/QĐUB ngày 23/4/2004 của UBND huyện Th, tỉnh Nghệ An và Danh sách các đối tượng được giao đất lâm nghiệp tạm thời tại xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An ngày 23/4/2004 của của UBND huyện Th, tỉnh Nghệ An thể hiện:

Hộ ông Lê Văn D được giao thửa đất số 439, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Đà Cây Trâm, xã H, huyện Th.

Theo hồ sơ xin giao đất lâm nghiệp của hộ gia đình ông Lê Văn D gồm có: Đơn xin giao đất lâm nghiệp đề ngày 14/11/2002; Trích lục hình thể thửa đất lâm nghiệp ngày 24/11/2003: Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 17/112002. Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa ngày 17/11/2002; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía ông D đều thừa nhận hộ ông Lê Văn D

được giao thừa số 439, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Đi Cây Trâm, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Hộ ông Lê Quang Đ (Lê Văn Đ) được giao thừa số 459 tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Đà Cây Trâm, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Theo hồ sơ xin giao đất lâm nghiệp của hộ gia đình ông Lê Văn Đ gồm có: Trích lục hình thể thửa đất lâm nghiệp ngày 24/11/2003; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 16/11/2002; Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa ngày 16/11/2002; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía ông Đ đều thừa nhận hộ ông Lê Văn Đ được giao thừa số 459, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Đà Cây Trâm, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Hộ ông Nguyễn Văn Q được giao thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Động Sản, xã H, huyện Th.

Theo hồ sơ xin giao đất lâm nghiệp của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Q gồm có, Đơn xin giao đất lâm nghiệp đề ngày 13/11/2002; Trích lục hình thể thửa đất lâm nghiệp ngày 24/11/2003; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 16/11/2002 điều bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa ngày 16/11/2002; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía ông Q đều thừa nhận hộ ông Nguyễn Văn Q được giao thửa đất số 477, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Động Sản, xã H, huyện Th.

Hộ bà Nguyễn Thị H được giao thửa số 479, tờ bản đồ số 03; tại Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Theo hồ sơ xin giao đất lâm nghiệp của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H gồm có: Đơn xin giao đất lâm nghiệp để ngày 11/11/2002; Trích lục hình thể thửa đất lâm nghiệp ngày 24/11/2003; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 15/11/2002; Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa ngày 15/11/2002; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bà đều thừa nhận hộ bà Nguyễn Thị H được giao thửa số 479, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Đà Cây Trâm, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Đối với hộ Ông Trần Ngọc M1, ông M thừa nhận quá trình cấp đất Ông Trần Ngọc M1 có nhờ ông Nguyễn Văn N ký vào đơn xin cấp đất, biên bản giao đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông D, ông M và các bị đơn cho rằng các hộ tự phát sẻ ranh giới, các cơ quan có thẩm quyền giao đất theo ranh giới các hộ xác định và theo ranh giới tự nhiên, khi giao đất tại thực địa họ đều có mặt, họ sử dụng các thửa đất trên ổn định, không có tranh chấp

từ khi được giao cho đến năm 2018 mới có tranh chấp (riêng bà H tranh chấp từ năm 2008). Ông M không phát sẻ ranh giới, không nhận đất tại thực địa, vì vậy thủ tục giao đất rừng cho ông M không đúng quy định của pháp luật, ông M sử dụng đất không hợp pháp nên không có quyền đòi lại đất mà các bị đơn đang sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa triệu tập đại diện UBND xã H và UBND huyện Th tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ quy trình, thủ tục giao đất cho ông M có đúng quy định pháp luật hay không, việc giao đất cho các hộ dân được thực hiện theo quy trình, thủ tục như thế nào, giao theo từng thửa đất đã được cơ quan có thẩm quyền quy hoạch hay giao theo vị trí do các hộ tự nhận. Nếu giao theo hình thức các hộ tự nhận và nhà nước công nhận thì tại sao ông M không tiến hành phát sẻ, không tham gia giao nhận đất tại thực địa nhưng vẫn được giao đất, việc giao đất cho ông M dựa trên cơ sở nào việc lập bản đồ địa chính, ký giáp ranh được thực hiện như thế nào?

Đối với nội dung này, tại cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, tại biên bản làm việc ngày 21/2/2019 Ủy ban nhân dân xã H cung cấp như sau: Vào thời điểm năm 2002 thì Nhà nước có chủ trương vận động bà con nhận đất lâm nghiệp để bảo vệ và trồng cây, tại địa bàn xã H, huyện Th có nhiều hộ gia đình làm đơn xin được giao đất lâm nghiệp để trồng cây. Việc làm hồ sơ xin giao đất lâm nghiệp khi đó còn đơn giản, do đó Ông Trần Ngọc M1 làm đơn xin giao đất lâm nghiệp và có nhờ (ủy quyền bằng miệng) cho ông Nguyễn Văn N khi đó là thôn trưởng ký thay vào đơn xin giao đất lâm nghiệp và các giấy tờ liên quan. Ông Trần Ngọc M1, ông Nguyễn Văn N đều công nhận việc ông M nhờ ông N ký các văn bản trên giữa ông M và ông N không xẩy ra tranh chấp về thửa đất mà ông N đã ký thay ông M, do đó việc ủy quyền ký thay vào đơn giao đất lâm nghiệp và các giấy tờ liên quan là đúng pháp luật. Vì vậy, hồ sơ giao đất lâm nghiệp của hộ Ông Trần Ngọc M1 là hợp pháp đúng quy định pháp luật, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung này.

Việc đưa Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân huyện Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ý kiến của Viện kiểm sát là không cần thiết vì vụ án này không đặt ra vấn đề phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với Ông Trần Ngọc M1.

[2.3] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm thể hiện ông Lê Văn D đang lấn chiếm, sử dụng 3.564 m^2; ông Lê Quang Đ đã lấn chiếm, sử dụng 26.905m^2 ;ông Nguyễn Văn Q đang lấn chiếm, sử dụng 4.775m^2; Bà Nguyễn Thị H lấn chiếm, sử dụng 3.655m^2 đất lâm nghiệp được Nhà nước giao cho hộ Ông

Trần Ngọc M1 tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Vì vậy, cấp sơ thẩm kết luận ông Lê Văn D đang lấn chiếm 3.564m^2; ông Lê Văn Đ đang lấn chiếm 26,905m^2; ông Nguyễn Văn Q đang lấn chiếm 4.775m^2; Bà Nguyễn Thị H đang lấn chiếm 3,655m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03 ; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An của hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1 là có căn cứ.

[2.4] Đối với các tài sản trên phần đất tranh chấp Ông Trần Ngọc M1 không đồng ý nhận sử dụng vì không phù hợp với quy hoạch và không có nhu cầu do đó cấp sơ thẩm buộc ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn D, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng và thu hoạch, di dời các cây cối trên phần đất tranh chấp để trả lại phần đất tranh chấp theo số liệu đã được thẩm định tại chỗ tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Núi thác muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ Ông Trần Ngọc M1 là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ông Trần Ngọc M1 đồng ý hỗ trợ cho ông Lê Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu) để tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng trên phần đất tranh chấp. Đây là sự tự nguyện của Ông Trần Ngọc M1, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[2.5] Ngày 12/7/2019 các bị đơn bao gồm ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ, ông Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thẩm định lại các thửa đất 459, tờ bản đồ số 3 của ông Lê Văn Đ, thửa đất 439, tờ bản đồ số 3 của ông Lê Văn D, thửa đất 477, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Q, thửa đất 479, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị H, thửa đất 492, tờ bản đồ số 3 của Ông Trần Ngọc M1.

Kết quả đo đạc các thửa đất trên theo hiện trạng của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Nghệ An thực hiện theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thể hiện: Ông Lê Văn D đang lấn chiếm, sử dụng 5262,6 m^2; ông Lê Quang Đ đã lấn chiếm, sử dụng 33.460,5 m^2 ;ông Nguyễn Văn Q đang lấn chiếm, sử dụng 4.947 m^2; Bà Nguyễn Thị H lấn chiếm, sử dụng 12.826,8 m^2 đất lâm nghiệp được Nhà nước giao cho hộ Ông Trần Ngọc M1 tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng về kết quả đo đạc thẩm định của Tòa án cấp phúc thẩm không phù hợp với kết quả đo đạc thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm và diện tích bị đơn lấn chiếm của nguyên đơn theo kết quả thẩm định của Tòa án cấp phúc thẩm cũng vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm Trần Ngọc M đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm và ông nhất trí như quyết định của bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng sự định đoạt này của ông M là tự nguyện, không vi phạm pháp luật nên cần tôn trọng và chấp nhận sự tự nguyện này.

[2.6] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho rằng tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ hiện ai đang quản lý diện tích đất nêu trên, nếu hộ bà H đang quản lý thì quản lý bằng hình thức nào nhưng đã buộc bà H phải trả lại diện tích đất nêu trên cho ông M là chưa chính xác.

Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng đất của bà tại thửa 479, tờ bản đồ số 03, diện tích bà không nhớ, tại Khe Chứa Động Ván, xã H, huyện Th, bà không lấn đất Ông Trần Ngọc M1 mà ông M lấn đất bà. Nhưng thực tế thì bà H đã sử dụng một phần thửa đất 492 của ông M từ năm 2002, đến năm 2008 thì xảy ra tranh chấp và tranh chấp cho đến nay. Quá trình xác định mốc giới, bà H cũng xác định đất của bà nhưng cả hai lần xem xét thẩm định tại chỗ đều thể hiện phần đất bà H cho rằng đó là đất của bà lại nằm trong thửa đất 492 của ông M. Vì vậy, việc cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho Ông Trần Ngọc M1 diện tích đất đó là phù hợp.

[2.7] Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị đơn cho rằng họ không lấn chiếm đất của Ông Trần Ngọc M1, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Trần Ngọc M1 và công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn đúng hiện trạng diện tích đất đang tranh chấp mà bị đơn đang sử dụng.

Việc cấp sơ thẩm áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Điều 202 khoản 1 Điều 203 Luật đất đai để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Ngọc M1. Buộc ông Lê Văn D trả lại đất lấn chiếm 3.564m^2; ông Lê Văn Đ trả lại đất lấn chiếm 26.905m^2; ông Nguyễn Văn Q trả lại đất lấn chiếm 4,775m^2; Bà Nguyễn Thị H trả lại đất lấn chiếm 3.655m^2 đất tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1 là đúng quy định pháp luật, cấp phúc thẩm cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, ông D, bà H, ông Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên cần chấp nhận miễn toàn bộ án phí sơ thẩm dân sự, án phí dân sự phúc thẩm cho những người này theo Nghị

quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là phù hợp. Anh Th1, ông Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí thẩm định lại, do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu tiền chi phí thẩm định lại, đã nộp đủ, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ (Lê Quang Đ), bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Q, anh Lê Văn Th1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, sửa phần án phí.

Áp dụng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Ngọc M1;

- Buộc ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị L1, anh Lê Văn Th1 phải thu hoạch, di dời cây chè xanh trên phần đất tranh chấp để trả lại diện tích đất lấn chiếm là 3.564 m^2 tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1.

- Buộc ông Lê Văn Đ (Lê Quang Đ), bà Đinh Thị H, anh Lê Quang H1, anh Lê Quang L phải thu hoạch, di dời cây chè xanh, cây sắn, cây lúa, cây cam, cây ổi, cây trám, cây bưởi, cây sắn, cây chuối, cây thanh long và tháo dỡ, di dời 02 (Hai) chuồng trâu; 01 (một) nhà trang trại; 01 (Một) nhà bếp trên phần đất tranh chấp để trả lại diện tích đất lấn chiếm là 26.905 m^2 tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1.

- Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Lê Thị Đ phải thu hoạch, di dời cây keo trên phần đất tranh chấp để trả lại diện tích đất lấn chiếm là 4.775m^2 tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1.

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 3.655 m^2 tại số thửa 492, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Núi Thác Muối, xã H, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình Ông Trần Ngọc M1.

(Chi tiết các phần đất tranh chấp và tài sản trên đất có sơ đồ kèm theo).

- Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Trần Ngọc M1, buộc Ông Trần Ngọc M1 phải trả cho ông Lê Văn Đ số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng để tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng trên đất.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 3.581.000 (Ba triệu năm trăm tám mươi mốt ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Ngọc M1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ông Trần Ngọc M1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.760.000 (Hai triệu bảy trăm sáu mươi ngàn) đồng theo biên lai số 0001332 ngày 28/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Văn Th1 phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng dược khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001537 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001535 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Ông Lê Văn D, ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho ông Lê Văn D số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001539 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Trả lại cho ông Lê Văn Đ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001536 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001538 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Buộc ông Lê Văn D phải hoàn trả cho Ông Trần Ngọc M1 số tiền 1.485.500 (Một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Buộc ông Lê Văn Đ phải hoàn trả cho Ông Trần Ngọc M1 số tiền 1.485.500 (Một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Buộc ông Nguyễn Văn Q phải hoàn trả cho Ông Trần Ngọc M1 số tiền 1.485.500 (Một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ông Trần Ngọc M1 số tiền 1.485.500 (Một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND h. Th;
- Chi Cục THADS h. Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân